HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/NQ-HĐND	*An Giang, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động tổ chức các kỳ thi, kiểm tra, đánh giá, khảo sát, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA , KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản vi phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2014/QH15;

Căn cứ Nghị định 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết nội dung chi và mức chi cho hoạt động tổ chức các kỳ thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của .....; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này nhằm điều chỉnh, quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động tổ chức các kỳ thi, kiểm tra, đánh giá, khảo sát, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang gồm: Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi, cấp trường, cấp xã, phường, đặc khu, cấp tỉnh, cấp quốc gia; các kỳ thi, kiểm tra, đánh giá, khảo sát,

hội diễn văn nghệ, hội khỏe Phù Đổng, hội thao giáo dục Quốc phòng - An ninh, các hội thi, cuộc thi phong trào do Sở Giáo dục và Đào tạo, các xã, phường, đặc khu và các trường tổ chức; các kỳ thi, kiểm tra, đánh giá, khảo sát, cuộc thi, hội thi khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh An Giang theo chính quyền địa phương hai cấp.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh An Giang, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và học sinh các đội tuyển dự thi cấp quốc gia được quy định tại Nghị quyết này.

3. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức và tham dự các kỳ thi theo khoản 1 Điều này đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng chế độ.

b) Việc lập, thanh quyết toán kinh phí tổ chức và tham dự các các kỳ thi, kiểm tra, đánh giá, khảo sát, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, chế độ kế toán.

Điều 2. Nội dung, mức chi

a) Các nội dung, mức chi cụ thể tổ chức các kỳ thi, kiểm tra, đánh giá, khảo sát, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang được quy định tại phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

b) Các nội dung chi khác không quy định tại Nghị quyết này thì được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

c) Quy định cụ thể nội dung, mức chi thực hiện công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các các kỳ thi, kiểm tra, đánh giá, khảo sát, cuộc thi, hội thi, do xã, phường, đặc khu tổ chức, thực hiện chi tối đa không quá 80% mức chi cấp tỉnh; do trường tổ chức, thực hiện chi tối đa không quá 50% mức chi cấp tỉnh, được quy định tại Nghị quyết này.

d) Các nội dung chi và mức chi này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ hưởng một mức thù lao cao nhất.

e) Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ….. tháng …. năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi thuộc lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi thuộc lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang.

c) Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2022

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa ….., Kỳ họp thứ ….. thông qua ngày … tháng … năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

Phụ lục I

NỘI DUNG, MỨC CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, KHẢO SÁT, CUỘC THI, HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO THUỘC PHẠM VI CẤP QUỐC GIA

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
I	**Ban chỉ đạo**			
1	Trưởng Ban	Người/ngày	500	
2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
3	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	400	
II	**Hội đồng thi**			
1	Chủ tịch	Người/ngày	500	
2	Phó chủ tịch	Người/ngày	450	
3	Ủy viên thường trực	Người/ngày	400	
III	**Ban thư ký Hội đồng thi**			
1	Trưởng Ban	Người/ngày	450	
2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	400	
3	Ủy viên	Người/ngày	350	
IV	**Hội đồng/Ban ra đề và Hội đồng/Ban in sao đề**			
1	Trưởng Ban/ Chủ tịch Hội đồng (làm việc cách ly)	Người/ngày	500	
2	Phó Trưởng ban/ Phó chủ tịch Hội đồng thường trực (làm việc cách ly)	Người/ngày	480	
3	Phó Trưởng ban/ Phó chủ tịch Hội đồng (làm việc cách ly)	Người/ngày	450	
4	Ủy viên, thư ký, công an (làm việc cách ly)	Người/ngày	380	
5	Ủy viên, thư ký, công an (vòng ngoài)	Người/ngày	350	
6	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ (làm việc cách ly)	Người/ngày	300	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
7	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ (vòng ngoài)	Người/ngày	250	
8	Tiền ăn trong những ngày làm việc tập trung cách ly	Người/ngày		
8.1	Trong thời gian thực tế in sao đề	Người/ngày	250	
8.2	Trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ in sao đề thi)	Người/ngày	200	
9	Tiền giải khát giữa giờ trong những ngày làm việc tập trung cách ly	Người/ngày		
9.1	Trong thời gian thực tế in sao đề	Người/ngày	50	
9.1	Trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ in sao đề thi)	Người/ngày	30	
V	**Tiền công ra đề thi**			
1	Hội đồng/Ban xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
1.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	450	
1.2	Phó chủ tịch/ Phó Trưởng ban	Người/ngày	400	
1.3	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	350	
2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận	Đề	700	
3	Tiền công ra đề và phản biện đề thi chính thức	Người/ngày		1 bộ đề gồm đề thi dự bị, đề thi chính thức kèm đáp án và biểu điểm

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
3.1	Trắc nghiệm	Người/ngày	400	
3.2	Tự luận, trắc nghiệm kết hợp với tự luận	Người/ngày	600	
VI	**Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi**			
1	Hội đồng/Ban xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
1.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	450	
1.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	400	
1.3	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	350	
2	Tiền công đối với câu hỏi			
2.1	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	50	
2.2	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	45	
2.3	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	35	
2.4	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	25	
2.5	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	7	
3	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
3.1	Chủ tịch/ Trưởng ban	Người/ngày	450	
3.2	Phó Chủ tịch/ Phó Trưởng ban	Người/ngày	400	
3.3	Thành viên	Người/ngày	350	
VII	**Ban/Tổ vận chuyển và bàn giao đề thi**			

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
1	Trưởng Ban/Tổ trưởng	Người/ngày	450	
2	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	400	
3	Ủy viên, Công an, Giám sát	Người/ngày	350	
4	Tài xế (phục vụ)	Người/ngày	250	
VIII	**Ban coi thi/Hội đồng**			
1	Trưởng ban/Chủ tịch	Người/ngày	450	
2	Phó Trưởng ban/Phó Chủ tịch	Người/ngày	400	
3	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	350	
4	Trưởng điểm, Phó trưởng điểm (trực 24/24)	Người/ngày	400	
5	Phó Trưởng điểm	Người/ngày	380	
6	Thư ký, Cán bộ coi thi, cán bộ Giám sát, giám thị, giám sát, kỹ thuật viên, Công an (bảo vệ đề thi, bài thi 24/24)	Người/ngày	350	
7	Bảo vệ, Nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, công an bảo vệ vòng ngoài, trật tự viên	Người/ngày	250	
IX	**Ban làm phách**			
1	Trưởng Ban (làm việc cách ly)	Người/ngày	500	
2	Phó Trưởng ban (làm việc cách ly)	Người/ngày	450	
3	Ủy viên, thư ký, công an (làm việc cách ly)	Người/ngày	350	
4	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ (làm việc cách ly)	Người/ngày	300	
5	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ (vòng ngoài)	Người/ngày	250	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
6	Tiền ăn trong những ngày làm việc tập trung cách ly			
6.1	Trong thời gian thực tế làm phách	Người/ngày	250	
6.2	Trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ làm phách)	Người/ngày	200	
7	Tiền giải khát giữa giờ trong những ngày làm việc tập trung cách ly			
7.1	Trong thời gian thực tế làm phách	Người/ngày	50	
7.2	Trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ làm phách)	Người/ngày	30	
X	**Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, trắc nghiệm, phúc khảo, thẩm định bài thi**			
1	Trưởng ban/Chủ tịch	Người/ngày	500	
2	Phó trưởng ban/Phó Chủ tịch	Người/ngày	450	
3	Ủy viên, thư ký, tổ trưởng, tổ phó, giám sát, kỹ thuật viên, công an bảo vệ bài thi vòng trong	Người/ngày	350	
4	Bảo vệ, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, công an bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	250	
5	Tiền công chấm bài	Người/ngày	400	
6	Tiền công cho các tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt	300	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
XI	**Chi cho công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trước, trong và sau khi thi**			
1	Trưởng đoàn	Người/ngày	450	
2	Phó trưởng đoàn, Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	400	
3	Thành viên đoàn	Người/ngày	350	
XII	**Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp, kiểm tra chéo hồ sơ**			
1	Chủ tịch	Người/ngày	450	
2	Phó chủ tịch	Người/ngày	400	
3	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	350	
XIII	**Ban phục vụ**			
1	Trưởng Ban	Người/ngày	400	
2	Phó Trưởng Ban	Người/ngày	350	
3	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	300	
XIV	**Xử lý dữ liệu kỳ thi và xử lý kết quả thi**			
1	Nhập và xử lý dữ liệu kỳ thi, chạy thử nghiệm phần mềm	hồ sơ	4	
2	Xử lý kết quả thi, in giấy chứng nhận kết quả	hồ sơ	4	
XVI	**Tiền ăn và giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi; giáo viên, học sinh các đội tuyển cấp tỉnh trong quá trình tập huấn để tham dự kỳ thi cấp quốc gia**			
1	Tiền giải khát giữa giờ	Người/ngày	20	
2	Tiền ăn giữa giờ	Người/ngày	45	

Phụ lục II

NỘI DUNG, MỨC CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, KHẢO SÁT, CUỘC THI, HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO THUỘC PHẠM VI CẤP TỈNH

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
I	**Ban chỉ đạo/Ban tổ chức/Hội đồng**			
1	Trưởng Ban/Chủ tịch	Người/ngày	400	
2	Phó Trưởng ban/Phó Chủ tịch	Người/ngày	360	
3	Ủy viên , Thư ký	Người/ngày	320	
II	**Ban thư ký Hội đồng thi**			
1	Trưởng Ban	Người/ngày	360	
2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	320	
3	Ủy viên	Người/ngày	280	
III	**Hội đồng/ Ban ra đề và Hội đồng/**Ban in sao đề **thi**			
1	Trưởng Ban/Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	400	
2	Phó Trưởng ban/Phó chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	380	
3	Ủy viên, thư ký, công an (làm việc cách ly)	Người/ngày	350	
4	Ủy viên, thư ký (vòng ngoài)	Người/ngày	300	
5	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ (làm việc cách ly)	Người/ngày	240	
6	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ (vòng ngoài)	Người/ngày	200	
7	Tiền ăn trong những ngày làm việc tập trung cách ly	Người/ngày		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
7.1	Trong thời gian thực tế in sao đề	Người/ngày	250	
7.2	Trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ in sao đề thi)	Người/ngày	200	
8	Tiền giải khát giữa giờ trong những ngày làm việc tập trung cách ly	Người/ngày		
8.1	Trong thời gian thực tế in sao đề	Người/ngày	50	
8.2	Trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ in sao đề thi)	Người/ngày	30	
IV	**Tiền công ra đề thi**			
1	Hội đồng/Ban xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
1.1	Chủ tịch/Trưởng Ban	Người/ngày	360	
1.2	Phó chủ tịch/ Phó Trưởng Ban	Người/ngày	320	
1.3	Ủy viên, Thư ký		280	
2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận	đề	560	
3	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm (Cán bộ ra đề và phản biện)			
3.1	Trắc nghiệm	Người/ngày	320	
3.2	Tự luận, trắc nghiệm kết hợp với tự luận	Người/ngày	480	
V	**Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi**			
1	Hội đồng/Ban xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
1.1	Chủ tịch/Trưởng Ban	Người/ngày	360	
1.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng Ban	Người/ngày	320	
1.3	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	280	
2	Tiền công đối với câu hỏi			
2.1	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	40	
2.2	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	36	
2.3	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	28	
2.4	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	20	
2.5	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	5	
3	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
3.1	Chủ tịch/ Trưởng Ban	Người/ngày	360	
3.2	Phó Chủ tịch/ PhóTrưởng Ban	Người/ngày	320	
3.3	Thành viên	Người/ngày	280	
VI	**Ban/Tổ vận chuyển và bàn giao đề thi**			
1	Trưởng Ban/Tổ trưởng	Người/ngày	360	
2	Phó Trưởng Ban/Tổ phó	Người/ngày	320	
3	Ủy viên, Công an, Giám sát	Người/ngày	280	
4	Tài xế (phục vụ)	Người/ngày	200	
VII	**Hội đồng/Ban coi thi/Điểm thi**			
1	Trưởng ban/Trưởng điểm/Chủ tịch, Phó Trưởng ban/Phó Trưởng điểm/Phó Chủ tịch (trực 24/24)	Người/ngày	360	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
2	Phó Trưởng Ban/ Phó Trưởng điểm/Phó Chủ tịch	Người/ngày	320	
3	Ủy viên, thư ký, giám thị, giám sát, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát, kỹ thuật viên, công an bảo vệ đề thi (24/24)	Người/ngày	280	
4	Bảo vệ, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, công an bảo vệ vòng ngoài, trật tự viên	Người/ngày	200	
VIII	**Ban làm phách**			
1	Trưởng Ban	Người/ngày	400	
2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	360	
3	Ủy viên, Thư ký, công an (làm việc cách ly)	Người/ngày	280	
4	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ (làm việc cách ly)	Người/ngày	240	
5	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ (vòng ngoài)	Người/ngày	200	
6	Tiền ăn trong những ngày làm việc tập trung cách ly			
6.1	Trong thời gian thực tế làm phách	Người/ngày	250	
6.2	Trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ làm phách)	Người/ngày	200	
7	Tiền giải khát giữa giờ trong những ngày làm việc tập trung cách ly			
7.1	Trong thời gian thực tế làm phách	Người/ngày	50	
7.2	Trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ	Người/ngày	30	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
	chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ làm phách)			
IX	**Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, trắc nghiệm, phúc khảo, thẩm định bài thi**			
1	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	400	
2	Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	360	
3	Ủy viên, thư ký, tổ trưởng, tổ phó, giám sát, kỹ thuật viên, công an bảo vệ bài thi vòng trong	Người/ngày	280	
4	Bảo vệ, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, công an bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	200	
5	Tiền công chấm bài			
5.1	Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10	Người/ngày	320	
5.2	Bài thi các môn chuyên của kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10	Người/ngày	450	
5.3	Kỳ thi chọn học sinh giỏi, các kỳ thi, kiểm tra, đánh giá, khảo sát, hội thi, cuộc thi phong trào cấp tỉnh	Người/ngày	500	
5.4	Kỳ thi chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia	Người/ngày	650	
6	Tiền công cho các tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt	240	
X	**Chi cho công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, trước, trong và sau khi thi**			
1	Trưởng đoàn	Người/ngày	360	
2	Phó trưởng đoàn, thanh tra viên độc lập	Người/ngày	320	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
3	Thành viên đoàn	Người/ngày	280	
XI	**Hội đồng xét duyệt kết quả tuyển sinh lớp đầu cấp, kỳ thi chọn học sinh giỏi; kiểm tra chéo hồ sơ**			
1	Chủ tịch	Người/ngày	360	
2	Phó chủ tịch	Người/ngày	320	
3	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	280	
XII	**Ban phục vụ**			
1	Trưởng ban	Người/ngày	320	
2	Phó trưởng ban	Người/ngày	280	
3	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	240	
XIII	**Xử lý dữ liệu kỳ thi và xử lý kết quả thi**			
1	Thu, kiểm tra hồ sơ, nhập dữ liệu	hồ sơ	4	
2	Xử lý dữ liệu kỳ thi	hồ sơ	4	
XV	**Hoàn thiện số hóa bằng tốt nghiệp THPT/Bản sao bằng Tốt nghiệp THPT**			
1	In bằng/Bản sao	cái	1	
2	Kiểm tra, trình ký, đóng dấu	cái	1	
3	Ký tên	cái	1	
XIV	**Tiền ăn và giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi**			
1	Tiền giải khát giữa giờ	Người/ngày	20	
2	Tiền ăn giữa giờ	Người/ngày	45	

Phụ lục III

NỘI DUNG, MỨC CHI HỘI DIỄN VĂN NGHỆ, HỘI KHỎE PHÙ ĐỔNG, HỘI THAO GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH, CÁC HỘI THI, CUỘC THI PHONG TRÀO

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
1	**Cấp khu vực, toàn quốc**			
1.1	Tiền ăn tập luyện/ôn tập	Người/ngày	200	
1.2	Thi đấu (diễn)/Dự thi			
	- Tiền ăn	Người/ngày	250	
	- Tiền thuê phòng nghỉ	Người/đêm	350	
2	**Cấp tỉnh**			
2.1	Tiền ăn tập luyện/ôn tập	Người/ngày	150	
2.2	Thi đấu (diễn)/Dự thi			
	- Tiền ăn	Người/ngày	200	
	- Tiền thuê phòng nghỉ	Người/đêm	250	
2.3	Trọng tài, giám sát, thư ký	Người/ngày	200	
2.4	Giám khảo làm việc theo buổi			
	- Ban ngày	Người/buổi	200	
	- Buổi tối	Người/buổi	400	